

Bản tin thị trường

23.08.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường
Cổ phiếu quan tâm
Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

PNJ, MWG

Data Talks

Thống kê tự doanh
Cổ phiếu tăng trưởng
Lịch chia cổ tức



Nhịp rung đầu tuần của Vnindex nhẹ nhàng

Thị trường phiên đầu tuần giao dịch có phần giống kịch bản cuối tuần trước. Chỉ số Index giữ khá trong biên độ +/-5 và có thời điểm còn kéo xanh nhưng sắc diện chung thì vẫn bán dần. Hơn 326 mã giảm so với 130 mã tăng trong ngày ở sàn HOSE. VN30 còn âm đậm hơn, chỉ có 4 mã tăng so với 25 mã giảm.

Hầu hết các nhóm ngành đều mất điểm trong đó bất động sản, thủy sản, cao su, thép rơi mạnh nhất. Điểm sáng duy nhất là nhóm bán lẻ với DGW, FRT, PET, MWG đều tăng tốt. MWG lần đầu tăng vượt giá 3.7% sau khi kết quả kinh doanh sớm tháng 7 có tín hiệu lạc quan trở lại. Đây là điều đã được dự báo trước sau khi tập đoàn đã mạnh tay tái cấu trúc toàn diện mảng bách hóa xanh liên tục trong thời gian qua.

Như đã phát tín hiệu trước đó, thị trường sẽ còn tiếp tục rung lắc trong thời gian tới. Nhà đầu tư tiếp tục cơ cấu mạnh danh mục, hạ tỷ trọng margin, chốt lãi các nhóm cổ phiếu đạt mục tiêu và chờ cơ hội tích lũy trở lại. Chúng tôi tạm thời đóng bớt các vị thế hiện tại và chờ tín hiệu mua mới sau. Các nhóm cổ phiếu quan tâm vẫn thuộc nhóm ngân hàng, chứng khoán, bán lẻ, BDS KCN.

Tin Doanh Nghiệp

PNJ lãi 1.165 tỷ đồng trong 7 tháng



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (Mã: PNJ) đã công bố kết quả kinh doanh tháng 7 với 2.511 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 413,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận sau thuế đạt 79 tỷ đồng, cùng kỳ năm ngoái âm 32 tỷ đồng.

Lũy kế 7 tháng, doanh thu thuần đạt 20.721 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.167 tỷ đồng; tăng lần lượt 70,9% và 66,1% so với 7 tháng đầu năm 2021.

So với kế hoạch năm, PNJ đã đạt 80,2% chỉ tiêu doanh thu và 88,4% mục tiêu lợi nhuận sau 7 tháng.

Về tăng trưởng doanh thu từng kênh, doanh thu bán lẻ lũy kế 7 tháng tăng 77,8% so với cùng kỳ đến từ sự tăng trưởng tốt ở các nhãn hàng và sự đóng góp doanh thu từ các cửa hàng mới cùng với hoạt động kích cầu thông qua chương trình marketing/push sales.

Doanh thu sỉ lũy kế 7 tháng tăng 49,9% so với cùng kỳ nhờ vào việc chào bán sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường và thị hiếu của khách hàng.

Doanh thu vàng 24K lũy kế 7 tháng tăng 76,1% so với cùng kỳ do nhu cầu khách hàng trong bối cảnh áp lực lạm phát cao.

Biên lợi nhuận gộp trung bình 7 tháng đạt 17,4% so với mức 18,6% cùng kỳ do sự thay đổi cơ cấu hàng bán của kênh bán lẻ.

Lũy kế 7 tháng, hệ thống PNJ đã mở mới 19 cửa hàng và nâng cấp 11 cửa hàng PNJ Gold, mở mới 2 cửa hàng PNJ Style đồng thời đóng 6 cửa hàng PNJ Gold và 6 cửa hàng PNJ Silver.

Tính đến cuối tháng 7/2022, hệ thống PNJ có 351 cửa hàng độc lập bao gồm 332 cửa hàng PNJ Gold, 8 cửa hàng PNJ Silver, 3 CH CAO Fine Jewellery, 4 cửa hàng PNJ Style và 1 CH PNJ Watch và 3 cửa hàng PNJ Art..

Doanh thu của Thế Giới Di Động đạt 11.000 tỷ đồng trong tháng 7

CTCP Đầu tư Thế giới Di động (Mã: MWG) vừa đưa ra ước tính sơ bộ kết quả kinh doanh 7 tháng đầu năm với doanh thu thuần đạt 11.000 tỷ đồng, tăng 16% so với tháng 7/2021. Lũy kế 7 tháng, MWG ghi nhận 81.700 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 14% so với cùng kỳ.

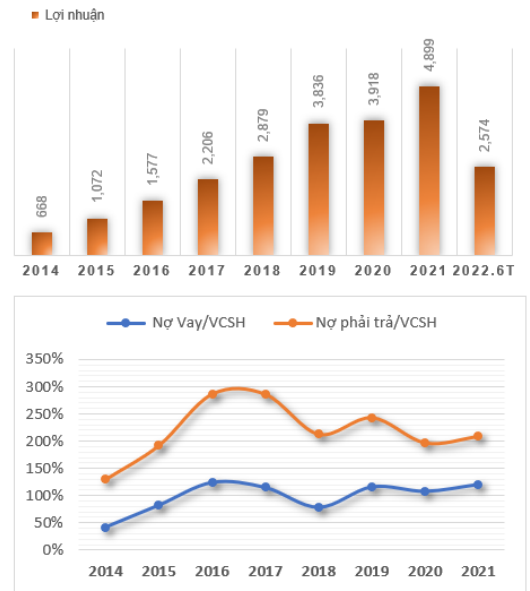
Trong đó chuỗi Thế Giới Di Động (TGDD) và Điện Máy Xanh (ĐMX) đóng góp tổng cộng 8.400 tỷ đồng trong tháng 7, tăng 63% so với cùng kỳ. Lũy kế 7 tháng, cả hai chuỗi bán lẻ này thu về 65.300 tỷ và tăng 21% so với giai đoạn năm ngoái.

Cuối tháng 7, MWG có 1.070 cửa hàng chuỗi TGDD (bao gồm 50 cửa hàng Topzone) và 2.185 cửa hàng chuỗi ĐMX (đã bao gồm 972 ĐMX Supermini).

Trong khi đó, chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX) thu về 2.350 tỷ đồng trong tháng 7, nâng mức lũy kế doanh thu 7 tháng là 15.200 tỷ đồng.

MWG cho biết, so với mức đỉnh cao nhất của tháng 7/2021, doanh thu tháng 7 vừa rồi của BHX giảm 45% nhưng vẫn tiếp tục đà tăng trưởng dương qua từng tháng kể từ tháng 3/2022 đến nay.

Từ đầu năm đến nay, BHX đã đóng tổng cộng khoảng 400 cửa hàng và hoàn tất việc thay đổi layout mới cho gần như toàn bộ các cửa hàng hiện hữu. Tại ngày cuối tháng 7, công ty có 1.735 cửa hàng BHX với doanh thu bình quân 1 cửa hàng đạt khoảng 1,3 tỷ đồng.





Danh mục nắm giữ ngắn hạn (1 tuần – 1 tháng)

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
VIB	25.0	(2.7)	18	26	Bán - cắt lỗ	7/26/2022	-2.3%
FPT	86.8	(0.1)	80	100	Chốt lãi	7/26/2022	2.2%
SZC	52.5	(1.7)	40	65	Chốt lãi	7/26/2022	6.3%
GVR	23.7	(2.3)	20	27	Chốt lãi	7/26/2022	3.7%
GEX	24.0	(0.6)	21	30	Chốt lãi	8/2/2022	4.3%
SHB	15.6	0.6	14	17	Chốt lãi	8/2/2022	3.7%
SSI	25.2	(1.8)	20	30	Chốt lãi	8/8/2022	5.0%
DIG	40.0	(6.3)	35	55	Bán - cắt lỗ	8/10/2022	-2.4%
CEO	34.1	(6.7)	30	45	Bán - cắt lỗ	8/10/2022	-2.6%
CII	25.0	(1.2)	18	30	Chốt lãi	8/10/2022	13.6%
CTS	23.7	3.2	19	30	Chốt lãi	8/12/2022	11.3%
VND	22.6	1.2	20	28	Chốt lãi	8/12/2022	2.7%
DGW	72.2	2.6	50	80	Nắm giữ	8/2/2022	20.3%
FRT	88.5	2.8	70	100	Nắm giữ	8/8/2022	13.5%
TCM	47.8	0.2	43	55	Nắm giữ	8/10/2022	3.9%
HCM	27.7	(1.6)	22	35	Nắm giữ	8/10/2022	2.6%
VIX	14.9	1.3	11	18	Mua lại quanh 13	8/12/2022	12.5%
MWG	66.5	(0.8)	60	80	Mua quanh 63-65	8/15/2022	5.6%

Chúng tôi đóng hầu hết các vị thế ngắn hạn hiện có và thu hẹp danh mục còn nắm giữ các cổ phiếu **DGW, FRT, TCM, HCM, VIX, VND, MWG**.

Một số cổ phiếu đưa vào danh mục theo dõi chờ tín hiệu mua: **VCI, VCG, MBS, BVS**.

Danh mục đã đóng trước đó (ngày đóng 11.8)

Ticker	Close	%	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
STB	25.2	2.0	18	28	Chốt lãi, đóng vị thế	7/26/2022	10.0%
VCI	47.5	1.6	30	48	Chốt lãi, đóng vị thế	7/26/2022	26.7%
FTS	35.0	0.1	30	50	Chốt lãi, đóng vị thế	7/26/2022	17.1%
CTS	22.0	3.2	17	23	Chốt lãi, đóng vị thế	8/2/2022	10.0%
TPB	28.5	0.9	25	30	Chốt lãi, đóng vị thế	8/2/2022	3.6%
VIX	13.3	1.3	10	16	Chốt lãi, đóng vị thế	8/3/2022	10.8%

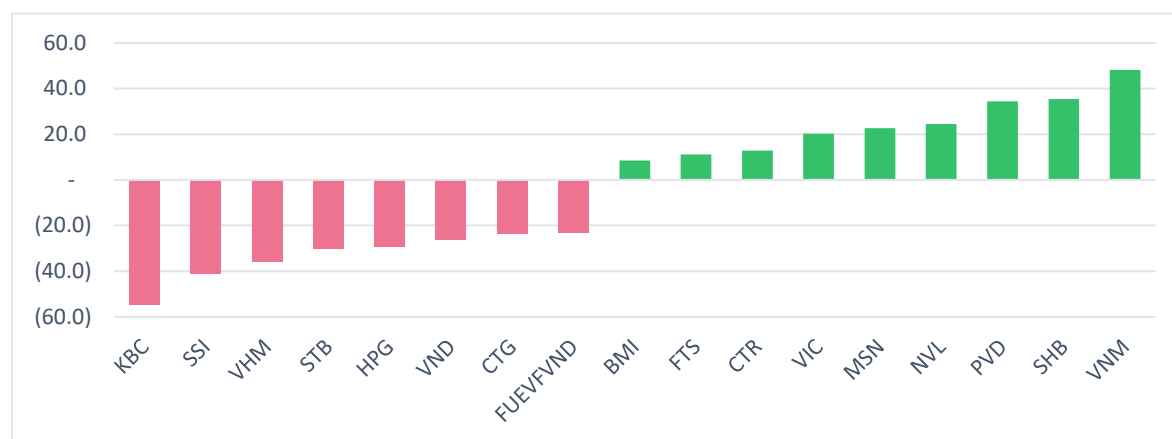


Tổng hợp kết quả kinh doanh 6T.2022

Ngành	SỐDN	DT6T.2022	DT6T.2021	%	LN6T.2022	LN6T.2021	%
Ngân hàng	27	203,760	173,141	17.7%	104,667	78,436	33.4%
Dầu khí	23	395,240	232,972	69.7%	22,242	10,863	104.8%
Bất động sản	81	93,342	157,857	-40.9%	18,575	28,731	-35.3%
Sản xuất và KD Thép	26	199,122	165,060	20.6%	14,525	22,369	-35.1%
Thực phẩm và đồ uống	71	156,961	157,122	-0.1%	15,677	13,917	12.6%
Vận tải - Logistics	73	63,186	54,944	15.0%	9,918	5,560	78.4%
Điện	43	78,672	69,172	13.7%	10,206	5,519	84.9%
Phân bón	13	38,528	24,395	57.9%	7,931	1,234	542.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	72	54,699	47,203	15.9%	6,077	6,676	-9.0%
Dịch vụ tài chính	40	26,338	22,619	16.4%	5,530	7,996	-30.8%
Bất động sản KCN	22	31,682	28,932	9.5%	9,234	5,289	74.6%
Xây dựng	110	84,077	84,526	-0.5%	6,318	4,347	45.3%
Hóa chất	27	46,366	32,271	43.7%	4,288	1,745	145.7%
Bán lẻ	21	124,887	105,304	18.6%	3,248	3,416	-4.9%
Thủy sản	24	33,252	25,119	32.4%	3,151	1,039	203.4%
Công nghệ Thông tin	18	24,833	20,617	20.4%	2,928	2,010	45.7%
Vật liệu xây dựng	42	36,968	28,449	29.9%	3,561	2,675	33.1%
Bảo hiểm	11	33,779	29,871	13.1%	2,156	2,421	-10.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	27	34,335	25,932	32.4%	2,598	1,798	44.4%
Dệt May	21	36,228	28,330	27.9%	1,945	1,465	32.8%
Nước	48	11,509	11,054	4.1%	1,616	1,608	0.5%
Y tế	36	21,471	24,311	-11.7%	1,550	1,425	8.8%
Viễn thông	5	19,409	16,921	14.7%	3,261	862	278.1%
Du lịch và Giải trí	32	56,344	29,703	89.7%	(4,241)	(8,679)	
Khoáng sản	33	49,095	31,309	56.8%	1,154	947	21.8%
Tài nguyên Cơ bản	20	17,021	15,813	7.6%	760	1,123	-32.3%
Cao su	13	2,599	2,335	11.3%	502	412	21.8%
Truyền thông	30	6,382	4,862	31.3%	486	250	94.1%
Ô tô và phụ tùng	11	23,561	19,738	19.4%	699	548	27.6%
Bao bì	17	18,682	13,248	41.0%	301	248	21.4%
Xây dựng và Vật liệu	58	13,485	15,235	-11.5%	204	(65)	
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	6,691	3,808	75.7%	73	71	3.5%
Tổng	1,100	2,042,500	1,702,175	20.0%	261,139	206,255	26.6%



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	25.0	5,995,200	5.8	1.6	-	-	4,306	15,416
BID	HOSE	39.2	2,040,300	13.6	2.1	6,000	35,300	2,883	18,580
CTG	HOSE	29.1	5,961,800	9.4	1.4	122,200	959,300	3,099	21,387
EIB	HOSE	30.6	400,100	18.4	2.0	900	-	1,659	15,513
HDB	HOSE	24.9	1,779,000	6.9	1.4	470,400	1,205,000	3,591	17,576
LPB	HOSE	16.0	6,317,800	4.7	1.2	-	-	3,398	13,136
MBB	HOSE	26.8	9,550,900	6.3	1.4	-	-	4,221	18,767
MSB	HOSE	18.8	3,089,500	6.3	1.2	-	-	2,960	16,090
OCB	HOSE	18.1	2,454,900	6.6	1.1	4,200	485,800	2,754	16,897
SHB	HOSE	15.2	14,782,600	4.9	1.0	2,589,900	317,100	3,062	14,879
SSB	HOSE	31.5	1,439,300	12.7	2.6	63,200	-	2,472	11,892
STB	HOSE	25.5	13,785,600	13.4	1.3	118,600	1,339,900	1,905	18,989
TCB	HOSE	38.2	4,810,300	6.6	1.3	-	-	5,766	29,757
TPB	HOSE	27.9	2,456,300	6.9	1.5	110,200	145,800	4,024	18,340
VCB	HOSE	78.8	904,300	13.2	3.0	173,900	160,400	5,956	25,988
VIB	HOSE	26.2	1,822,400	5.8	2.0	2,500	-	4,528	13,403
VPB	HOSE	29.0	12,627,600	6.7	1.3	100	5,900	4,346	22,163
BAB	HNX	17.0	7,700	17.0	1.4	-	-	1,002	12,383
NVB	HNX	28.8	45,500	-	3.7	-	-	(188)	7,686
VBB	UPCOM	10.7	18,400	9.2	0.8	-	-	1,163	12,626
VAB	UPCOM	10.2	136,700	6.0	0.8	-	-	1,701	12,691
SGB	UPCOM	13.5	36,500	-	1.1	-	-	502	12,530
PGB	UPCOM	22.0	12,000	20.7	1.5	-	-	1,065	14,590
NAB	UPCOM	14.1	267,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KLB	UPCOM	23.3	5,500	22.6	1.8	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.1	619,400	19.7	1.0	-	-	715	13,432
ABB	UPCOM	11.7	2,119,300	4.3	0.9	-	-	2,719	13,255
			93,485,900	10.32	1.56	3,662,100	4,654,500	2,737	16,242



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	X26	UPCoM	31/08/2022	5/9/2022	31/10/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	SZC	HOSE	30/08/2022	31/08/2022	28/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	UPC	UPCoM	29/08/2022	30/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	C32	HOSE	25/08/2022	26/08/2022	21/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	FPT	HOSE	24/08/2022	25/08/2022	12/9/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	KDC	HOSE	19/08/2022	22/08/2022	5/9/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	PGD	HOSE	19/08/2022	22/08/2022	27/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	BDW	UPCoM	19/08/2022	22/08/2022	16/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 750 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	PMP	HNX	18/08/2022	19/08/2022	19/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VNF	HNX	17/08/2022	18/08/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	HD6	UPCoM	15/08/2022	16/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SBA	HOSE	15/08/2022	16/08/2022	8/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VFG	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10:3	Thưởng cổ phiếu
14	AGX	UPCoM	15/08/2022	16/08/2022	23/08/2022	Trả cổ tức bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NHC	HNX	15/08/2022	16/08/2022	26/08/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	CRE	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Thưởng cổ phiếu
17	CRE	HOSE	15/08/2022	16/08/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
18	TID	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	30/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VLP	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	6/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	MTV	UPCoM	12/8/2022	15/08/2022	8/9/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	GIL	HOSE	12/8/2022	15/08/2022	26/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	PAC	HOSE	12/8/2022	15/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	PCE	HNX	12/8/2022	15/08/2022	15/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NDX	HNX	12/8/2022	15/08/2022	31/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	NAU	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	25/08/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 87 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	FHS	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	22/08/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	MNB	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	30/09/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	QNW	UPCoM	11/8/2022	12/8/2022	25/08/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 124 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931